TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2020.
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Viên**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Tỉnh**
Ông **Lưu Văn Có**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kiều Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 808/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2020, Thông báo dời thời gian xét xử số 48/TB-TA ngày 28/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Lê Văn N**
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2008.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau, giữa bà H và ông N bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, đến nay tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân nhau từ năm 2012 nên bà H yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn ông N.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn N có 02 con chung là Lê Thị Diệu L sinh ngày 06/8/2000 và Lê Hải Đ sinh ngày 18/5/2006. Ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng cháu L.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – ông Lê Văn N đã được Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, nhưng ông N không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập nên Tòa án không lấy được lời khai của ông N, không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa ông N cũng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn N; Giao con chung Lê Hải Đ sinh ngày 18/5/2006 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 11/6/2008, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà H cho rằng, sau một thời gian chung sống với nhau, giữa bà và ông N xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân nhau từ năm 2012. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa để làm việc nhưng ông N không chấp hành và vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy ông N đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận để bà H được ly hôn ông N.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn N có 02 con chung là Lê Thị Diệu L sinh ngày 06/8/2000 và Lê Hải Đ sinh ngày 18/5/2006. Con chung Lê Thị Diệu L đã trưởng thành. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Hải Đ và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Vì không lấy được lời khai của ông N cũng như cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Lê Hải Đ sinh ngày 18/5/2006 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N tạm thời không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

[4]. Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Hải Đ sinh ngày 18/5/2006 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Văn N tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015737 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, bà Hiên đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- UBND xã Thanh Sơn, H. Định Quán, tỉnh Đồng Nai (số 11, ngày 11/6/2008);
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Viên